

LECTURERS REVIEW THE HEALTHCARE SECTOR LEARNING PROGRAM IN VIETNAM UNIVERSITIES WHICH MEET AUN - QA STANDARDS

Cao Nguyen Hoai Thuong, Le Van Tinh*, Ho Nguyen Anh Tuan, Lam Thi Thu Tam,
Ho Thi Truc Phuong, Pham Duong Thanh Tam, Phan Thi My Trinh, Ho Ngoc Tram

Pham Ngoc Thach Medical University - No. 2 Duong Quang Trung, 12 Ward, 10 District, Ho Chi Minh City, Vietnam

Received: 01/12/2023

Revised: 23/12/2023; Accepted: 16/02/2024

ABSTRACT

Background: Implementing learning program accreditation (CTDT) to meet the ASEAN University Network – Quality Assurance (AUN – QA) criteria/criteria at educational institutions is increasing daily/day by day. It comes from the inevitable need to train human recruitment to serve the country's socio-economic development and international integration requirement. Collecting information directly from lecturers who evaluate learning programs at educational institutions is objective evidence, providing authentic information that reflects the training quality.

Objective: Determine the rate of good evaluation of lecturers the healthcare sector learning program at universities in Vietnam universities which meet AUN - QA standards.

Methods: Cross-sectional description of 228 lecturers teaching in the health sector at universities in Vietnam meeting AUN - QA standards.

Results: Lecturers' evaluation of the training program in 7 specific contents is: Regarding output standards, the good level is 97.4%; Regarding the curriculum description, the good level reached 91.7%; Regarding the structure and content of the curriculum, the good level reached 81.1%; Regarding teaching and learning methods, the good level reached 90.4%; Regarding classroom organization, the good level reached 53.1%; Regarding impact factors, the good level reached 54.8%; Regarding learners, the good level reached 78.5%. The lecturers' overall assessment of the learning program is at a good level, reaching 77.2%.

Conclusion: Evaluation from lecturers on the learning program is at a good level of 77.2%.

Keywords: Learning programs and lecturers; achieved AUN - QA.

*Corresponding author

Email address: levantinh@pnt.edu.vn

Phone number: (+84) 919 408 517

<https://doi.org/10.52163/yhc.v65i2.950>

ĐÁNH GIÁ CỦA GIẢNG VIÊN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KHỐI NGÀNH SỨC KHỎE TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM ĐẠT CHUẨN AUN - QA

Cao Nguyễn Hoài Thương, Lê Văn Tinh*, Hồ Nguyễn Anh Tuấn, Lâm Thị Thu Tâm,
Hồ Thị Trúc Phương, Phạm Dương Thanh Tâm, Phan Thị Mỹ Trinh, Hồ Ngọc Trâm

Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch - Số 2 Dương Quang Trung, Phường 12, Quận 10, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày nhận bài: 01 tháng 12 năm 2023

Chỉnh sửa ngày: 23 tháng 12 năm 2023; Ngày duyệt đăng: 16 tháng 02 năm 2024

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Thực hiện kiểm định chương trình đào tạo (CTĐT) đạt bộ tiêu chuẩn với các quy tắc chất lượng của mạng lưới các trường đại học ASEAN (AUN – QA) tại các cơ sở giáo dục ngày một gia tăng, nó xuất phát từ nhu cầu tất yếu đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế – xã hội đất nước và yêu cầu hội nhập quốc tế. Việc thu thập thông tin trực tiếp từ người dạy đánh giá CTĐT tại các cơ sở giáo dục này là một bằng chứng khách quan, cung cấp những thông tin xác thực phản ánh về chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục.

Mục tiêu nghiên cứu: Xác định tỷ lệ đánh giá tốt của giảng viên về CTĐT khối ngành sức khỏe tại các trường đại học ở Việt Nam đạt chuẩn AUN - QA.

Phương pháp nghiên cứu: Mô tả cắt ngang trên 228 giảng viên đang giảng dạy ở khối ngành sức khỏe tại các trường đại học ở Việt Nam đạt chuẩn AUN – QA.

Kết quả: Đánh giá của giảng viên về CTĐT ở 7 nội dung cụ thể là: Về chuẩn đầu ra, mức độ tốt đạt tỷ lệ 97,4%; về bản mô tả CTĐT, mức độ tốt đạt 91,7%; về cấu trúc và nội dung CTĐT, mức độ tốt đạt 81,1%; về phương pháp giảng dạy và học tập, mức độ tốt đạt 90,4%; về tổ chức lớp học, mức độ tốt đạt 53,1%; về những yếu tố tác động, mức độ tốt đạt 54,8%; về người học, mức độ tốt đạt 78,5%. Đánh giá chung của giảng viên về CTĐT ở mức độ tốt đạt 77,2%.

Kết luận: Đánh giá từ giảng viên về CTĐT ở mức độ tốt đạt 77,2%.

Từ khóa: Chương trình đào tạo, giảng viên; đạt AUN - QA.

*Tác giả liên hệ

Email: levantinh@pnt.edu.vn

Điện thoại: (+84) 919 408 517

<https://doi.org/10.52163/yhc.v65i2.950>



1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thời gian gần đây các cơ sở giáo dục Đại học thực hiện kiểm định theo chuẩn của Bộ tiêu chuẩn với các quy tắc chất lượng của mạng lưới các trường đại học ASEAN (AUN – QA) ngày một gia tăng. Điều đó xuất phát từ công tác đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế – xã hội và hội nhập quốc tế.

Đạt chuẩn AUN – QA sẽ giúp các cơ sở đào tạo đánh giá được chương trình đào tạo (CTĐT) của mình đạt thang điểm nào trên chuẩn đánh giá của khu vực. Bộ tiêu chuẩn tập trung những lĩnh vực mà bất kỳ CTĐT bậc Đại học nào cũng phải có.

Việc thu thập các ý kiến từ giảng viên đang trực tiếp giảng dạy về CTĐT đạt chuẩn AUN – QA đối với trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch là việc làm vô cùng cần thiết; từ những ý kiến này, các nhà trường sẽ điều chỉnh, cải thiện chương trình cho phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị.

Trong quá trình triển khai giảng dạy các chương trình đạt chuẩn AUN – QA các trường Đại học đã đi vào chiều sâu, thực chất hay chưa? Những người trực tiếp giảng dạy đánh giá về CTĐT này như thế nào? Do đó, việc khảo sát CTĐT tạo tại các trường có đào tạo khối ngành sức khỏe đạt chuẩn AUN – QA đối với trường Đại học Y Khoa Phạm Ngọc Thạch là một việc là vô cùng cần thiết.

Với mục tiêu xác định mức độ đánh giá của giảng viên về CTĐT khối ngành sức khỏe tại các trường Đại học ở Việt Nam đạt chuẩn AUN - QA, chúng tôi tiến hành thực hiện đề tài nghiên cứu: Đánh giá của giảng viên về CTĐT khối ngành sức khỏe tại các trường Đại học ở Việt Nam đạt chuẩn AUN - QA.

Vì, kết quả khảo sát này đóng vai trò định hướng giúp trường có cơ sở đánh giá, tham chiếu và thực hiện các chiến lược nhằm nâng chất lượng CTĐT, tăng năng lực cạnh tranh, khẳng định vị thế trong nước và trên trường quốc tế [4].

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thiết kế nghiên cứu: Mô tả cắt ngang

Địa điểm và thời gian nghiên cứu: 4 trường đại học đào tạo khối ngành sức khỏe: Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Y Dược, Đại học Trà Vinh,

Đại học Y tế Công cộng trong thời gian từ 01/01/2023 đến 06/09/2023.

Đối tượng nghiên cứu: Giảng viên đang giảng dạy 6 CTĐT tại 4 trường Đại học: Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh chương trình Dược học và Cử nhân Điều dưỡng; trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên chương trình Y đa khoa và Cử nhân Điều dưỡng; Đại học Trà Vinh chương trình Cử nhân Điều dưỡng; Trường Đại học Y tế Công cộng chương trình Cử nhân Y tế Công cộng.

Cỡ mẫu: Được tính theo công thức:

$$n = Z_{(1-\alpha/2)}^2 \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Với: α : Sai lầm loại 1 ($\alpha = 0,05$).

Z: Trị số từ phân phối chuẩn ($Z_{(1-\alpha/2)} = 1,96$).

p: Tỷ lệ giảng viên đánh giá mức độ tốt CTĐT ($p = 0,819$)

d: Độ chính xác ($d = 0,05$).

$n = 228$.

Kỹ thuật chọn mẫu: Chọn mẫu cụm bậc 1, đơn vị cụm là bộ môn trong 01 khoa, đơn vị nguyên tố là giảng viên. Lập danh sách và đánh số thứ tự các bộ môn trong khoa từ 4 trường Đại học (95 bộ môn), tính số bộ môn được chọn dựa trên cỡ mẫu/số giảng viên trung bình trong 01 bộ môn ($228/5 = 46$ bộ môn), và tính khoảng cách k:

$$k = \frac{95}{46} \#2$$

Khảo sát toàn bộ giảng viên trong bộ môn đã được chọn và chọn bộ môn tiếp theo với khoảng cách là 2, tiếp tục cho tới khi đủ cỡ mẫu.

Biến số nghiên cứu: Sự đồng ý của giảng viên: là biến định tính với năm giá trị là Hoàn toàn đồng ý, Đồng ý, Phân vân Không đồng ý và Hoàn toàn không đồng ý. Gồm các yếu tố sau:

- Sự đồng ý của giảng viên về chuẩn đầu ra
- Sự đồng ý của giảng viên về bản mô tả chương trình đào tạo.
- Sự đồng ý của giảng viên về cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo
- Sự đồng ý của giảng viên về phương pháp giảng dạy và học tập

- Sự đồng ý của giảng viên về tổ chức lớp học.
- Sự đồng ý của giảng viên về những yếu tố tác động khác.
- Sự đồng ý của giảng viên về đánh giá sinh viên.

Có 5 giá trị theo 5 lựa chọn trả lời cho từng câu hỏi cụ thể, mỗi lựa chọn tương ứng với: Hoàn toàn đồng ý (5 điểm); Đồng ý (4 điểm); Phân vân (3 điểm); Không đồng ý (2 điểm); Hoàn toàn không đồng ý (1 điểm).

Đánh giá của của giảng viên về CTĐT được phân loại như sau: Điểm điểm cao nhất trừ đi điểm thấp nhất và chia cho 3 (khoảng = (5-1)/3 = 1.33) (Polit & Hungler, 1999) [6], mức điểm cụ thể là:

- Tốt: số điểm ≥ 3.67
- Cần cải tiến: số điểm từ 3.66 – 2.33
- Cần chú ý đặc biệt: số điểm ≤ 2.32

Công cụ và quy trình thu thập số liệu:

Bộ câu hỏi dựa theo bảng hướng dẫn của Công văn 1669 của Bộ Giáo dục Đào tạo, được thiết kế bởi nhóm nghiên cứu, có điều chỉnh cho phù hợp với thực tế hoạt

động của các trường có kiểm định CTĐT đạt chuẩn AUN - QA và sự đóng góp ý kiến của các đồng nghiệp.

Nghiên cứu viên đến phòng tổ chức cán bộ của các trường đại học tham khảo danh sách giảng viên, viết thư mời; hẹn ngày, giờ, địa điểm tham gia nghiên cứu. Phát bộ câu hỏi để giảng viên tự điền và được thu lại sau khi giảng viên trả lời xong.

Xử lý và phân tích số liệu: Nhập số liệu với Epidata 3.1 và phân tích với R 4.0.4.

Đạo đức nghiên cứu: Giảng viên tham gia nghiên cứu đều tự nguyện, có thể từ chối những câu hỏi nhạy cảm, việc đảm bảo tính bí mật của các cá nhân trong nghiên cứu được tuân thủ tuyệt đối, đề cương đã được hội đồng y đức trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch xem xét và thông qua.

3. KẾT QUẢ

Nghiên cứu trên 228 giảng viên đang giảng dạy ở khối ngành sức khỏe tại các trường đại học ở Việt Nam đạt chuẩn AUN - QA, cho kết quả:

Bảng 1. Giảng viên đánh giá về chuẩn đầu ra và bản mô tả của CTĐT

Nội dung	Tốt	Cần cải tiến	Cần chú ý đặc biệt
	n (%)	n (%)	n (%)
Hiểu rõ triết lý giáo dục	223 (97,8)	5 (2,2)	0 (0,0)
Chuẩn đầu ra phản ánh tầm nhìn và sứ mạng	225 (98,7)	3 (1,3)	0 (0,0)
Chuẩn đầu ra phản ánh rõ ràng yêu cầu của các bên liên quan	213 (93,4)	15 (6,6)	0 (0,0)
Chuẩn đầu ra bao gồm kiến thức, kỹ năng đại cương và chuyên ngành	224 (98,2)	4 (1,8)	0 (0,0)
Chuẩn đầu ra đầy đủ trong CTĐT	222 (97,4)	6 (2,6)	0 (0,0)
Thể hiện các chuẩn đầu ra và cách thức để đạt được	225 (98,7)	3 (1,3)	0 (0,0)
Cung cấp thông tin cho người học hiểu về CTĐT	204 (89,5)	22 (9,6)	2 (0,9)
Thông tin cho nhà tuyển dụng lao động qua CTĐT	200 (87,7)	22 (9,6)	6 (2,6)
Công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	208 (91,2)	17 (7,5)	3 (1,3)
Đánh giá chung của giảng viên về chuẩn đầu ra và bản mô tả CTĐT	209 (91,7)	19 (8,3)	0 (0,0)

Có đến 2,6% trong nội dung đánh giá cung cấp thông tin cho nhà tuyển dụng lao động thông qua CTĐT ở mức cần chú ý đặc biệt; trong hai nội dung người học hiểu về CTĐT và cung cấp thông tin cho nhà tuyển

dụng lao động qua CTĐT ở mức cần cải tiến đều là 9,6%. Do đó, trong đánh giá chung ở mức độ cần cải tiến lên đến 8,3%.



Bảng 2. Giảng viên đánh giá về cấu trúc và nội dung CTĐT

Nội dung	Tốt	Cần cải tiến	Cần chú ý đặc biệt
	n (%)	n (%)	n (%)
Nội dung cân đối kiến thức, kỹ năng đại cương và chuyên ngành	176 (77,2)	52 (22,8)	0 (0,0)
Nội dung thể hiện rõ các môn cơ bản, cơ sở, chuyên ngành	185 (81,1)	40 (17,5)	3 (1,3)
CTĐT mang tính cập nhật	184 (80,7)	29 (12,7)	15 (6,6)
Mỗi môn học đóng góp đạt được chuẩn đầu ra	190 (83,3)	38 (16,7)	0 (0,0)
Đề cương chi tiết môn học cung cấp đầy đủ thông tin	196 (86,0)	26 (11,4)	6 (2,6)
Hồ sơ môn học hỗ trợ hiệu quả cho công tác giảng dạy	190 (83,3)	36 (15,8)	2 (0,9)
Tôi được tham gia vào quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	200 (87,7)	21 (9,2)	7 (3,1)
CTĐT được định kỳ đánh giá định kỳ và cập nhật	192 (84,2)	19 (8,3)	17 (7,5)
Đánh giá chung của giảng viên về cấu trúc và nội dung CTĐT	185 (81,1)	43 (18,9)	0 (0,0)

Trong nội dung CTĐT được định kỳ đánh giá định kỳ và cập nhật thì giảng viên đánh giá ở mức độ cần chú ý đặc biệt lên đến 7,5%; đặc biệt ở nội dung CTĐT thể hiện sự cân đối kiến thức và kỹ năng đại cương và chuyên ngành ở mức độ cần cải tiến là 22,8%.

Bảng 3. Giảng viên đánh giá về phương pháp giảng dạy và tổ chức lớp học

Nội dung	Tốt	Cần cải tiến	Cần chú ý đặc biệt
	n (%)	n (%)	n (%)
Có thống nhất về phương pháp giảng dạy các giảng viên trong môn học	191 (83,8)	36 (15,8)	1 (0,4)
Tôi được chủ động áp dụng phương pháp giảng dạy	204 (89,5)	22 (9,6)	2 (0,9)
Tôi áp dụng phương pháp giảng dạy lấy người học làm trung tâm	203 (89,0)	24 (10,5)	1 (0,4)
Phương pháp giảng dạy đang áp dụng phù hợp với chuẩn đầu ra	214 (93,9)	13 (5,7)	1 (0,4)
Hoạt động dạy và học khuyến khích khả năng học tập suốt đời	206 (90,4)	20 (8,8)	2 (0,9)
Sĩ số học lý thuyết thuận lợi cho phương pháp học tích cực	113 (49,6)	87 (38,2)	28 (12,3)
Cơ sở vật chất và trang thiết bị dễ dàng áp dụng học tích cực	203 (89,0)	24 (10,5)	1 (0,4)
Sĩ số các lớp thực hành/thí nghiệm là hợp lý	139 (61,0)	55 (24,1)	34 (14,9)
Tôi hài lòng về hệ thống phòng thí nghiệm/ thực hành	140 (61,4)	55 (24,1)	33 (14,5)
Đánh giá chung của giảng viên về phương pháp giảng dạy và tổ chức lớp học	145 (63,6)	82 (36,0)	1 (0,4)

Đánh giá chung của giảng viên về phương pháp giảng dạy và tổ chức lớp học thì ở mức độ cần cải tiến lên đến 36,0%. Ở tất cả nội dung giảng viên đánh giá về tổ chức lớp học ở mức cần cải tiến đều rất cao, đặc biệt nội dung sĩ số lớp học lý thuyết thuận lợi cho phương pháp học tập tích cực lên đến 38,2%.

Bảng 4. Giảng viên đánh giá những yếu tố tác động

Nội dung	Tốt	Cần cải tiến	Cần chú ý đặc biệt
	n (%)	n (%)	n (%)
Chính sách dành cho trợ lý giảng dạy là thỏa đáng	129 (56,6)	71 (31,1)	28 (12,3)
Trợ lý giảng dạy hỗ trợ hiệu quả cho công tác giảng dạy	147 (64,5)	60 (26,3)	21 (9,2)
Chính sách hỗ trợ khuyến khích GV tham gia E/M learning là thỏa đáng	137 (60,1)	72 (31,6)	19 (8,3)
Việc triển khai các lớp E/M learning giúp SV tự học tốt hơn	143 (62,7)	60 (26,3)	25 (11,0)
Việc triển khai giảng dạy bằng tiếng Anh là một thách thức lớn với tôi	114 (50,0)	77 (33,8)	37 (16,2)
Tài liệu trong thư viện đáp ứng được nhu cầu giảng dạy và nghiên cứu	123 (53,9)	82 (36,0)	23 (10,1)
Tôi hài lòng về điều kiện hỗ trợ nghiên cứu khoa học	123 (53,9)	77 (33,8)	28 (12,3)
Môi trường học tập đa dạng được phát huy	156 (68,4)	52 (22,8)	20 (8,8)
Tôi được tham gia các khóa tập huấn/hội thảo	185 (81,1)	32 (14,0)	11 (4,8)
Tải trọng giảng dạy của tôi là phù hợp	168 (73,7)	51 (22,4)	9 (3,9)
Kết quả khảo sát SV về chất lượng giảng dạy giúp tôi kịp thời điều chỉnh	192 (84,2)	31 (13,6)	5 (2,2)
Đánh giá chung của giảng viên về các yếu tố tác động	125 (54,8)	95 (41,7)	8 (3,5)

Trong nội dung việc triển khai giảng dạy bằng tiếng Anh là một thách thức lớn với tôi ở mức độ cần chú ý đặc biệt cao nhất (16,2%); nội dung tôi hài lòng về điều kiện hỗ

trợ nghiên cứu khoa học của nhà trường và chính sách dành cho trợ lý giảng dạy là hợp lý và thỏa đáng ở mức độ cần chú ý đặc biệt cũng khá cao (12,3%).

Bảng 5. Giảng viên đánh giá người học

Nội dung	Tốt	Cần cải tiến	Cần chú ý đặc biệt
	n (%)	n (%)	n (%)
Tỷ trọng điểm đánh giá quá trình (50%) và cuối kỳ (50%) là hợp lý	154 (67,5)	58 (25,4)	16 (7,0)
SV được thông báo tiêu chí đánh giá vào buổi đầu của môn học	220 (96,5)	8 (3,5)	0 (0,0)
Tôi áp dụng đa dạng phương pháp đánh giá SV	218 (95,6)	10 (4,4)	0 (0,0)
Các phương pháp đánh giá bao quát được mục tiêu của môn học	219 (96,1)	9 (3,9)	0 (0,0)
Mỗi hình thức đánh giá đều có tiêu chí đánh giá	210 (92,1)	18 (7,9)	0 (0,0)
Kết quả đánh giá phản hồi SV kịp thời	182 (79,8)	40 (17,5)	6 (2,6)
Đánh giá chung của giảng viên về đánh giá sinh viên	179 (78,5)	49 (21,5)	0 (0,0)

Trong nội dung tỷ trọng điểm đánh giá quá trình (50%) và cuối kỳ (50%) là hợp lý ở mức độ cần chú ý đặc biệt là 7,0%, mức độ cần cải tiến lên đến 25,4%; nội dung

kết quả đánh giá phản hồi SV kịp thời ở mức độ cần cải tiến cũng lên đến 17,5%.

Bảng 6. Giảng viên đánh giá chung về CTĐT đạt chuẩn AUN - QA

Nội dung	Tốt	Cần cải tiến	Cần chú ý đặc biệt
	n (%)	n (%)	n (%)
Đánh giá chung của giảng viên về CTĐT	176 (77,2)	52 (22,8)	0 (0,0)

Ở mức độ tốt chiếm tỷ lệ cao nhất (77,2%), có đến 22,8% ở mức độ cần cải tiến, còn mức độ cần chú ý đặc biệt là 0%.

4. BÀN LUẬN

Kết quả khảo sát này có những điểm khác biệt so với nghiên cứu tương tự, có thể là do hệ thống đào tạo và phương pháp nghiên cứu khác nhau, dẫn đến khác biệt về kết quả.

Bảng 1, trong phần đánh giá chung tỷ lệ giảng viên đánh giá ở mức tốt là 91,7%, chỉ có 8,3% giảng viên đánh giá ở mức độ cần cải tiến; nhưng trong nội dung thông tin cho nhà tuyển dụng lao động thông qua CTĐT thì ở mức độ cần chú ý đặc biệt cũng ở mức 2,6%.

So với nghiên cứu của Nguyễn Thu Trang tại trường Đại học Kỹ thuật – Hậu cần Công an Nhân dân, năm 2017 thì khảo sát này tỷ lệ tốt về chuẩn đầu ra có cao hơn (91,7 và ~ 68%) [5]. Có thể các CTĐT trong khảo sát này trước khi đạt chuẩn AUN-QA, các trường đã rà soát và tập huấn nhiều lần, do đó tỷ lệ giảng viên đánh giá các nội dung ở mức tốt đạt rất cao.

Trong *bảng 2* giảng viên đánh giá chung về cấu trúc và nội dung CTĐT, ở mức độ tốt đều đạt ở mức độ cao (81,1 %). Nhưng trong *bảng 3* (Giảng viên đánh giá về phương pháp giảng dạy và tổ chức lớp học) thì đánh giá chung ở mức độ tốt chỉ đạt 63,6%; đặc biệt ở nội dung sĩ số các lớp thực hành/thí nghiệm là hợp lý thì tỷ lệ cần chú ý đặc biệt ở mức 14,9%.

So với kết quả của Nguyễn Thu Trang ở cùng nội dung, thì tỷ lệ đánh giá chung ở mức độ tốt khá tương đồng [5]; Nhưng so với khảo sát của Lê Minh Hiệp tại trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng thì trong nội dung CTĐT được định kỳ đánh giá định kỳ và cập nhật so với khảo sát này ở mức tốt thấp hơn (~70,0% và 84,2%) [1].

Đối với CTĐT thuộc khối sức khỏe, các môn học tương đối phong phú và đa dạng, do đó dễ cân đối cấu trúc và nội dung chương trình đòi hỏi nhà trường cần xem xét

theo định kỳ. Mặt khác, mỗi môn học có thể có nhiều giảng viên cùng giảng dạy, do đó rất khó khăn thống nhất về phương pháp giảng dạy. Vì vậy ở mức độ cần cải tiến và cần chú ý đặc biệt trong *bảng 3* ở mức cao.

Bảng 4 cho thấy: tỷ lệ ở mức cần cải tiến và cần chú ý đặc biệt trong tất cả các nội dung đều cao, đặc biệt ở nội dung việc triển khai giảng dạy bằng tiếng Anh, mức cần chú ý đặc biệt lên đến 16,2%.

So với kết quả khảo sát tại trường Đại học Nông Lâm – Đại học Thái Nguyên, năm 2020 về nội dung nghiên cứu khoa học thì tỷ lệ tốt trong khảo sát này thấp hơn (~81,1 và 53,9%) [3]; trong nội dung Việc triển khai các lớp E/M learning giúp SV tự học tốt hơn được khảo sát tại trường Đại học Mỏ địa chất năm 2022 thì tỷ lệ ở mức độ tốt ngang bằng so với khảo sát này (62,7%) [2]. Qua *bảng 4* cho thấy giảng viên đánh giá về những yếu tố tác động ở mức độ tốt chưa cao. Có thể do ngành sức khỏe các trường đang giảng dạy bằng phương pháp tích cực, thư viện, các điều kiện hỗ trợ giảng dạy và các chính sách khác phải đầy đủ, do đó các nội dung trong bảng này ở mức cần cải tiến và cần chú ý đặc biệt đều cao.

Về đánh giá người học (*bảng 5*). Trong nội dung tỷ trọng điểm đánh giá thì chỉ có 67,5% giảng viên đánh giá ở mức độ tốt; nội dung kết quả đánh giá phản hồi kịp thời giúp SV điều chỉnh việc học tập ở mức độ cần cải tiến cũng lên đến 17,5%.

CTĐT của các trường trong khảo sát này đều được giảng dạy theo hệ tín chỉ, mỗi môn học được chia nhiều hình thức đánh giá. Do đó, việc phản hồi kết quả đánh giá là việc khó khăn. Vì vậy, tỷ lệ giảng viên đánh giá ở mức độ cần cải tiến còn cao.

AUN-QA là bộ tiêu chuẩn với rất nhiều quy tắc khắt khe về chất lượng. Mỗi quy tắc đều có các tiêu chí rõ ràng, cụ thể và tập trung đánh giá về những điều kiện đảm bảo chất lượng của toàn CTĐT. Vì vậy, các cơ sở đào tạo đạt chuẩn AUN – QA đều phải được đánh giá toàn diện CTĐT từ nhiều khía cạnh như chuẩn đầu ra, khung chương trình, đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất,

công tác đảm bảo chất lượng, kết nối giữa nhà trường, sinh viên...Do đó, khảo sát 6 CTĐT tại 4 cơ sở đào tạo này của chúng tôi là để xem xét chung tồn tại những bất cập gì, cần khắc phục tiêu chí nào? Từ những điểm này, trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch sẽ nâng cao chất lượng CTĐT.

5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu cắt ngang mô tả được tiến hành trên 228 giảng viên đang giảng dạy ở các khối ngành sức khỏe tại các trường đạt AUN - QA, nhằm xác định mức độ chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ mức độ tốt là 77,2%; mức độ cần cải tiến là 22,8%; mức độ cần chú ý đặc biệt là 0%.

KIẾN NGHỊ

Nhà trường thường xuyên cung cấp thông tin cho các cơ sở y tế thông qua CTĐT; cân đối lại các nội dung trong khung CTĐT thể hiện cân đối khối kiến thức và kỹ năng đại cương và chuyên ngành; Định kỳ cập nhật, đánh giá nội dung CTĐT và mời giảng viên tham gia; Các lớp học từ 50 em trở xuống và trang bị đầy đủ phương tiện hỗ trợ giảng dạy, đặc biệt trong phòng thực hành. Đẩy mạnh hỗ trợ, tạo điều kiện để giảng viên học ngoại ngữ và thực hiện nghiên cứu khoa học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lê Minh Hiệp, Thực trạng phát triển chương trình đào tạo ở trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng của AUN - QA, Tạp chí Giáo dục (436), 2018, tr. 13-18.
- [2] Vũ Đức Minh, Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo tại các cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, Luận án tiến sĩ, Đại học Mỏ - Đại chất, 2022.
- [3] Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Thái Nguyên, Kết quả khảo sát các bên liên quan về chương trình đào tạo, 2020.
- [4] Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch, Phát triển chương trình đào tạo, truy cập ngày Ngày truy cập 15/03/2023, tại trang web <https://pqldt.pnt.edu.vn/vi/phat-trien-chuong-trinh-dao-tao>.
- [5] Nguyễn Thu Trang, Biện pháp nâng cao chương trình đào tạo ở trường Đại học Kỹ thuật - Hậu cần Công an Nhân dân, Tạp chí Giáo dục. 2, 2017, tr. 65 - 70.
- [6] Denise FP, Bernadette PH, Nursing research: Principles and methods; Publisher: Lippincott, Philadelphia, 1999.

